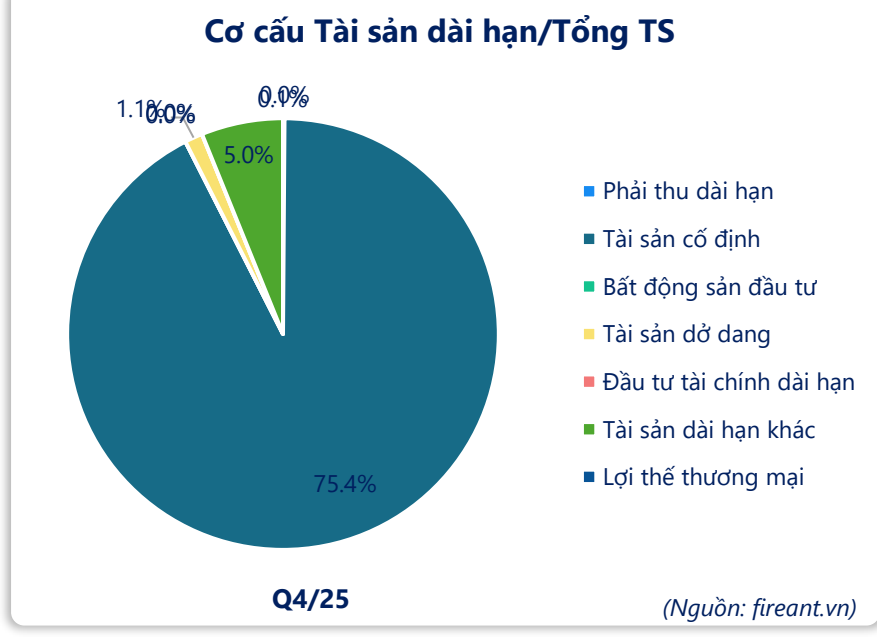
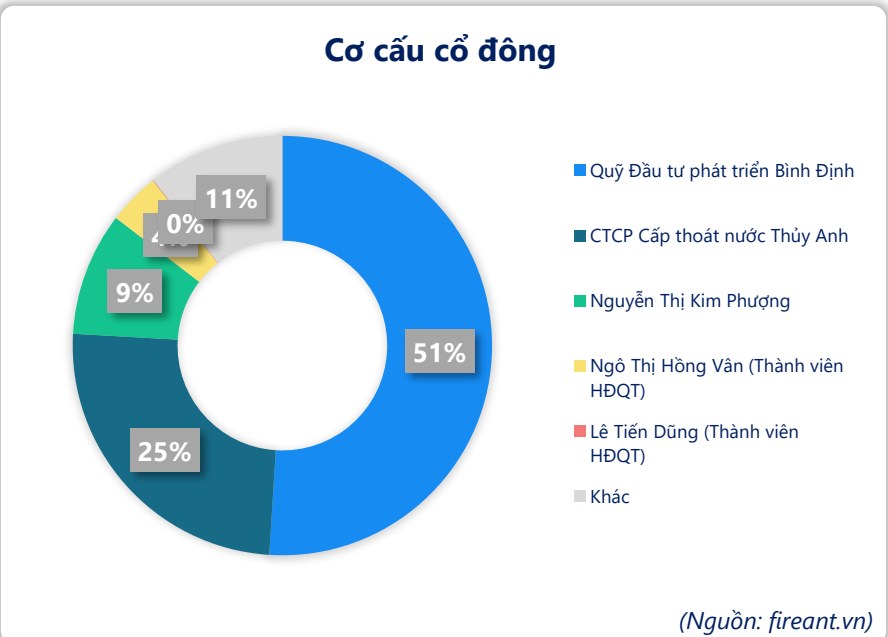
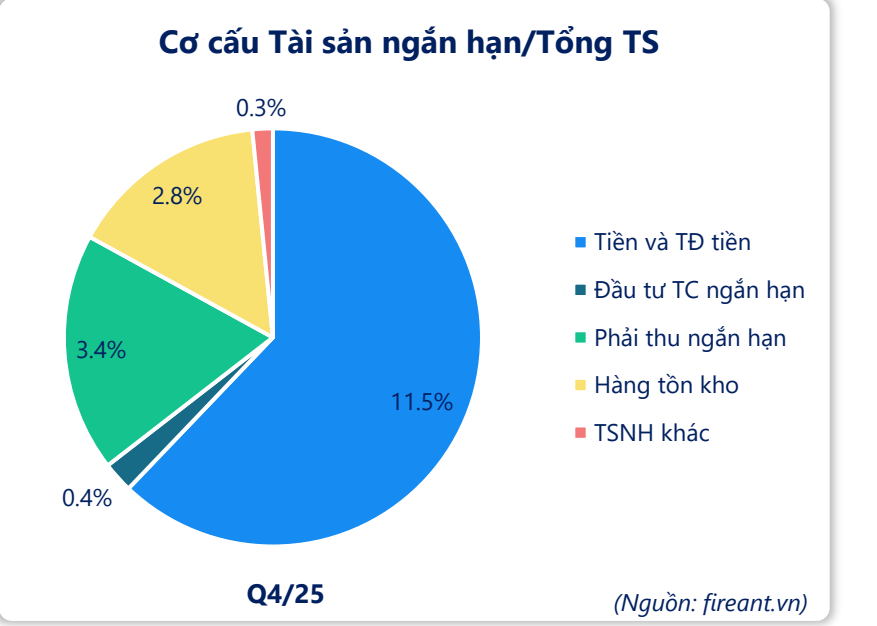
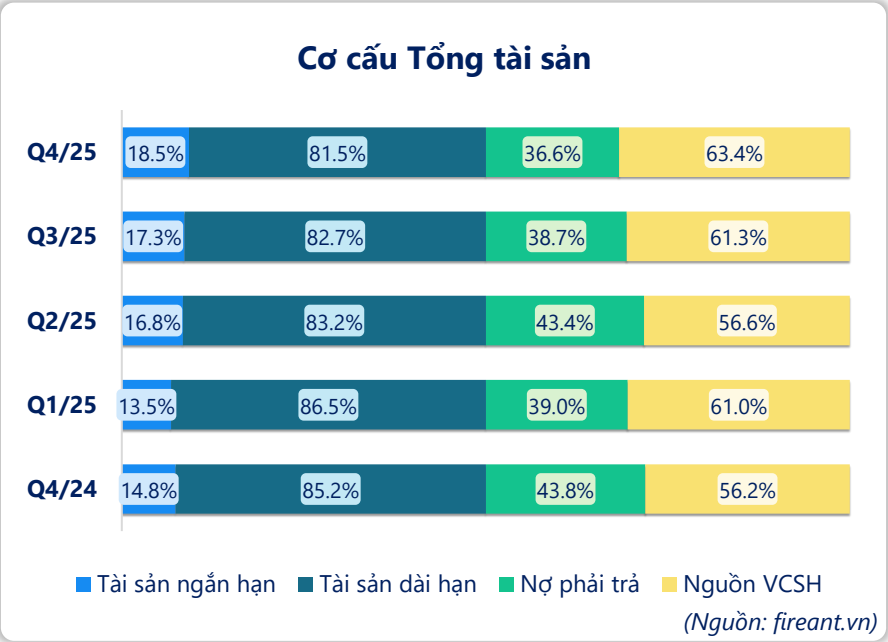
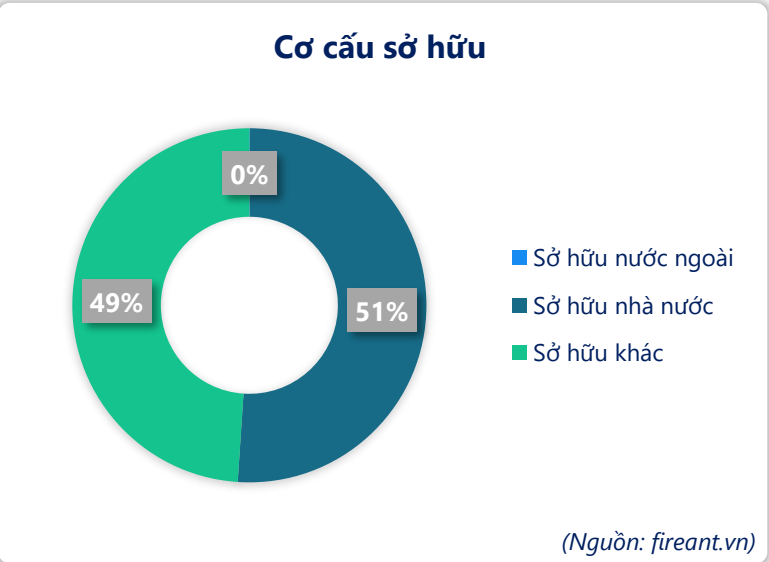
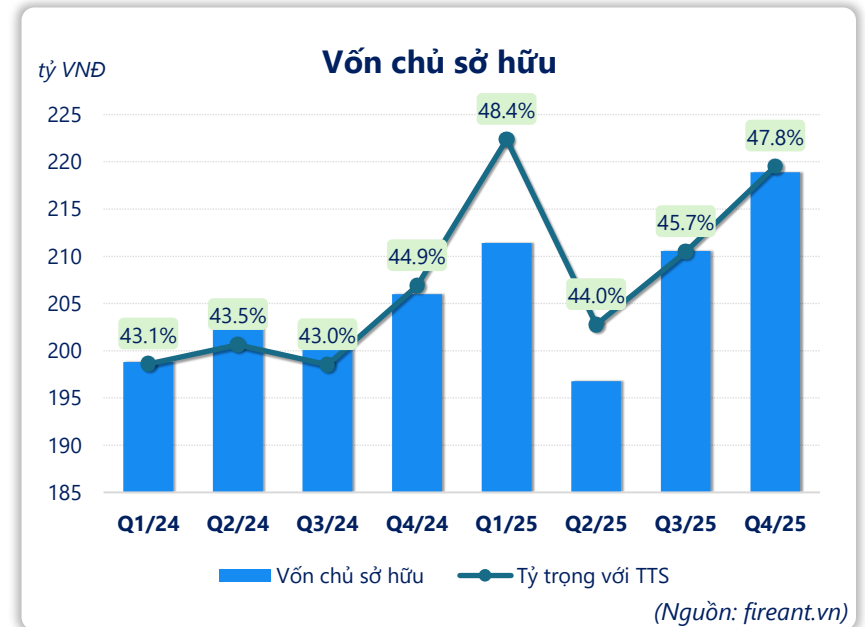
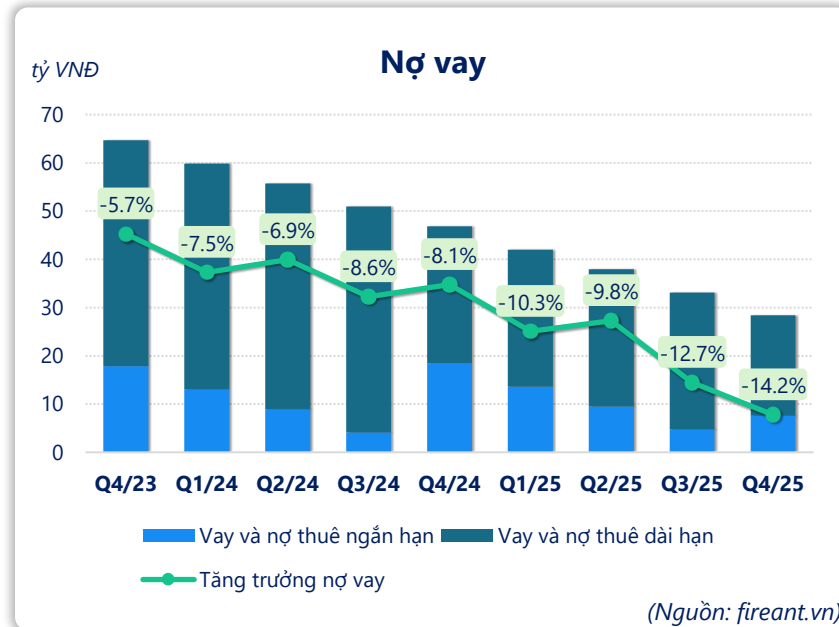
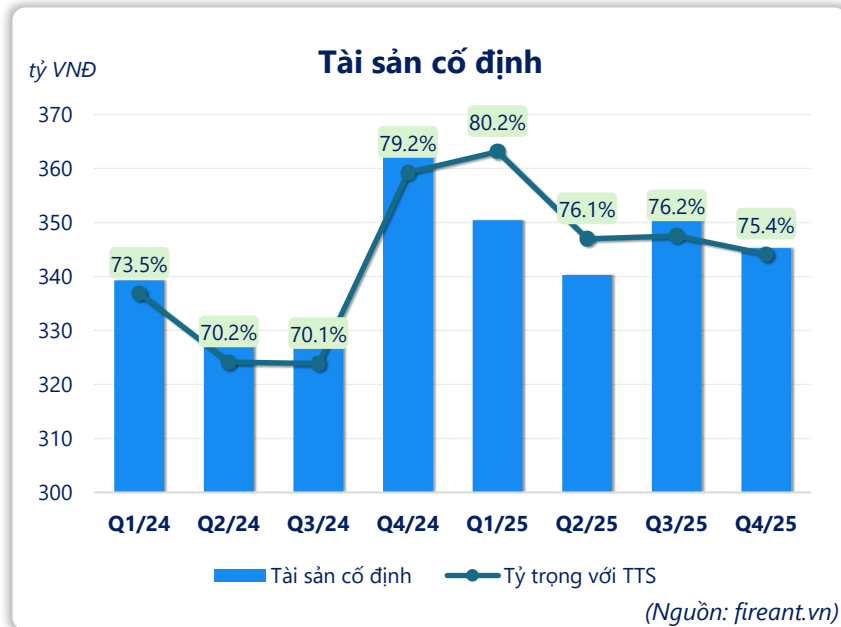
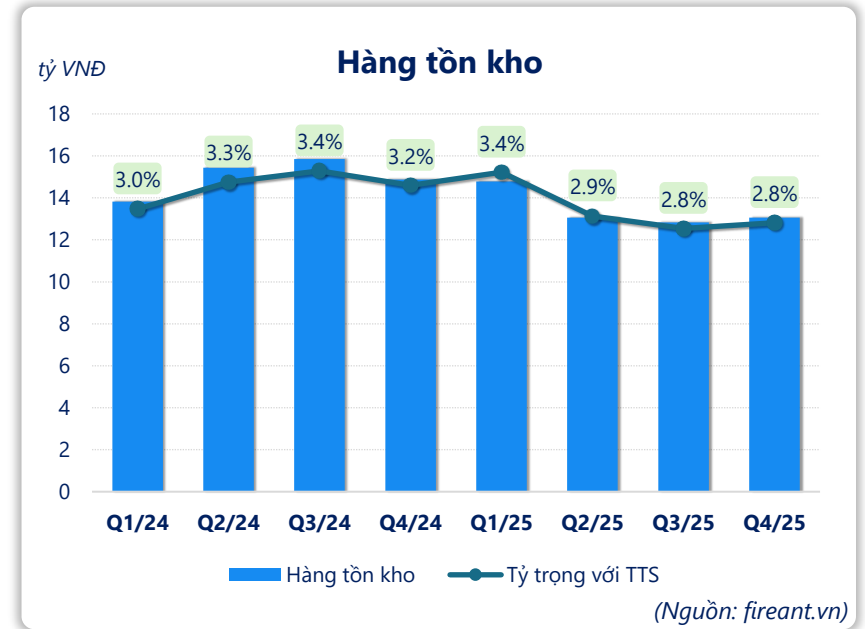
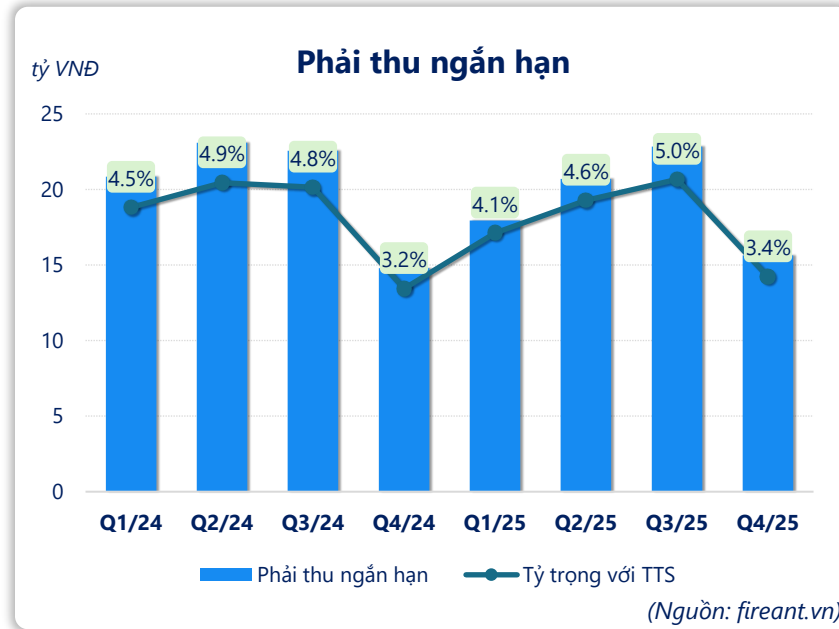
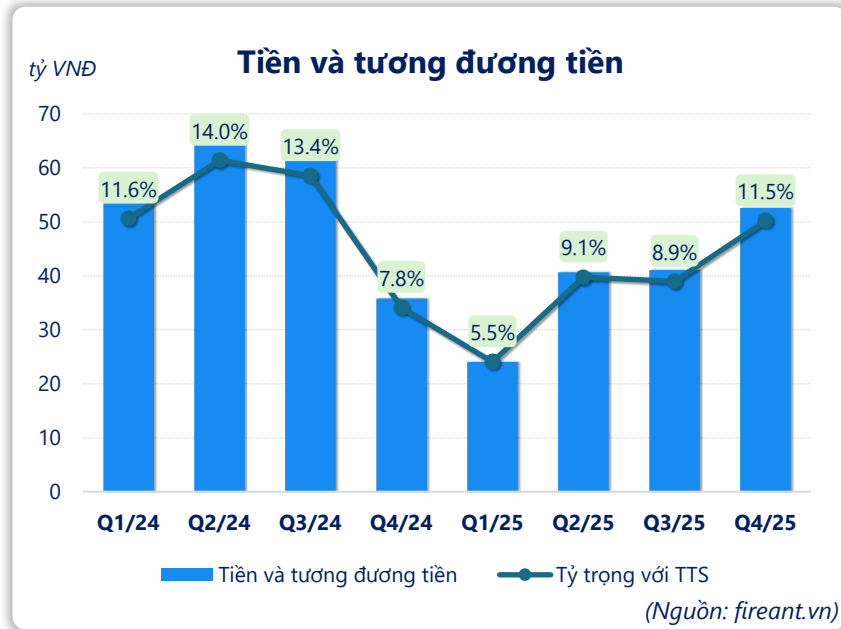
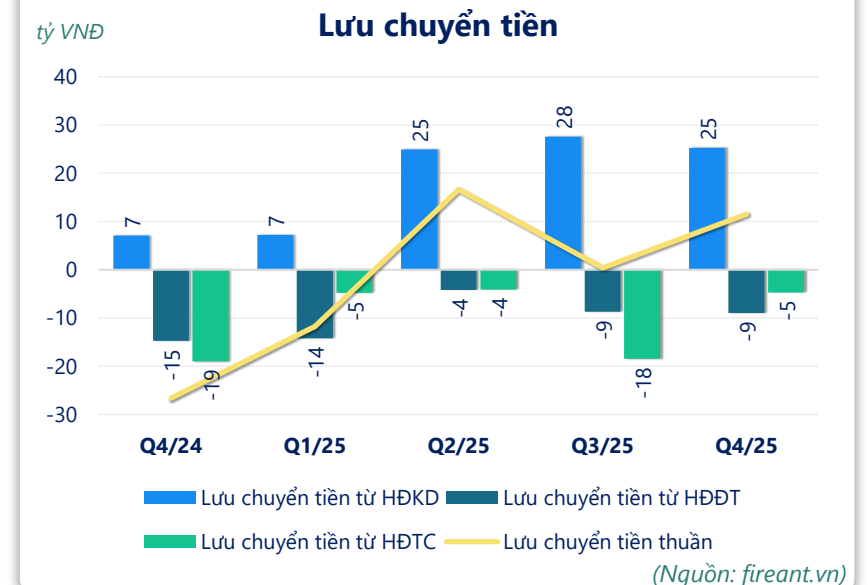
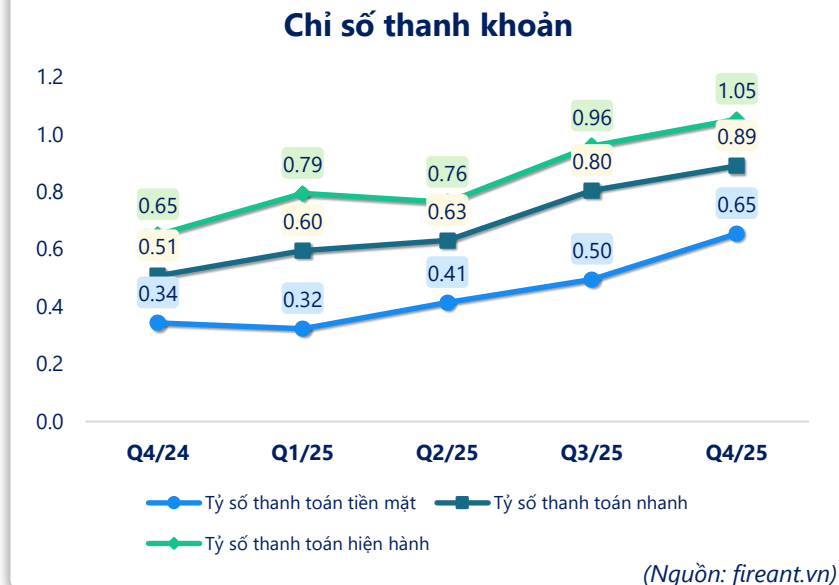
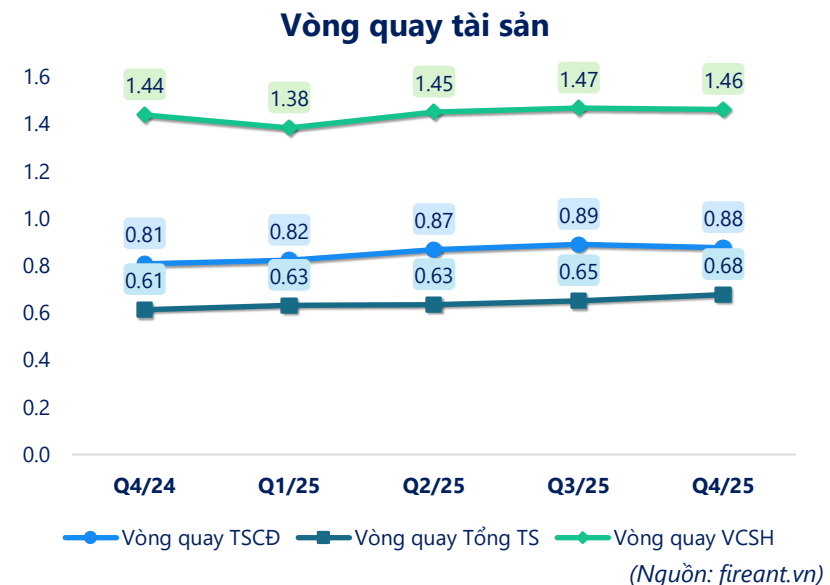
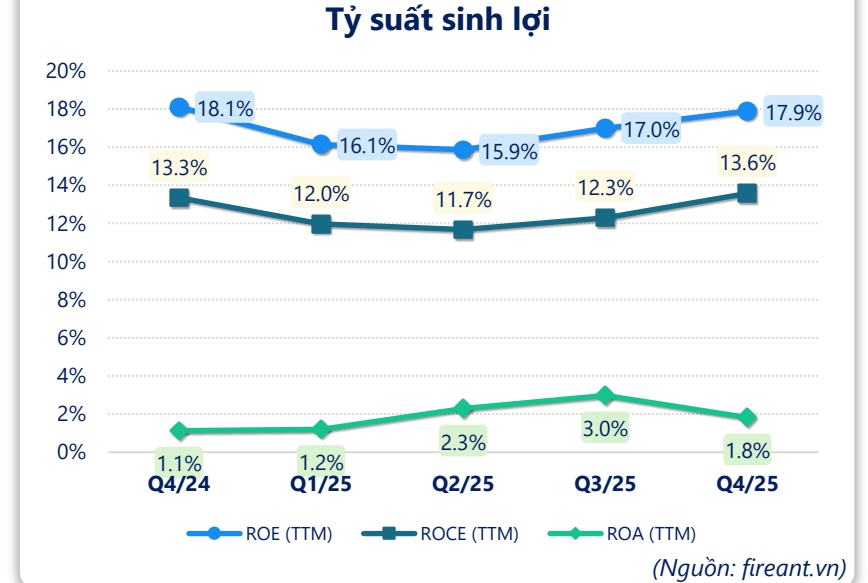
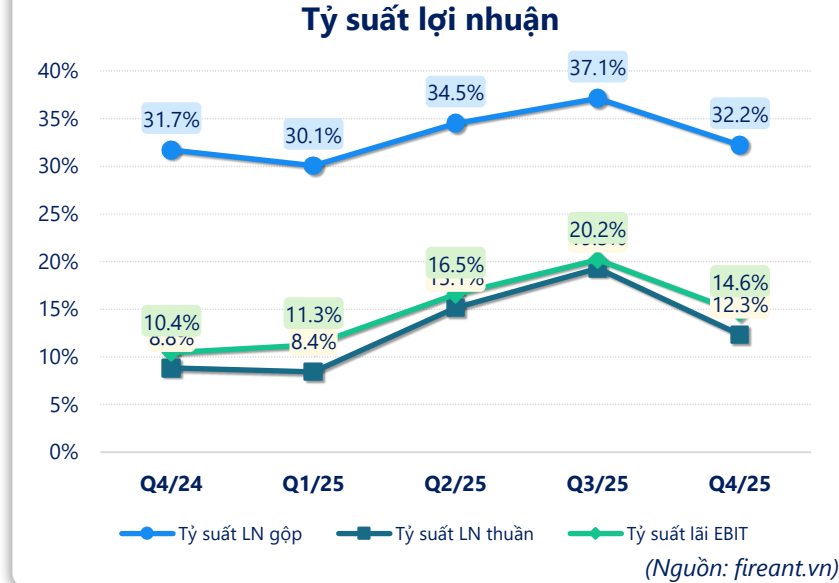
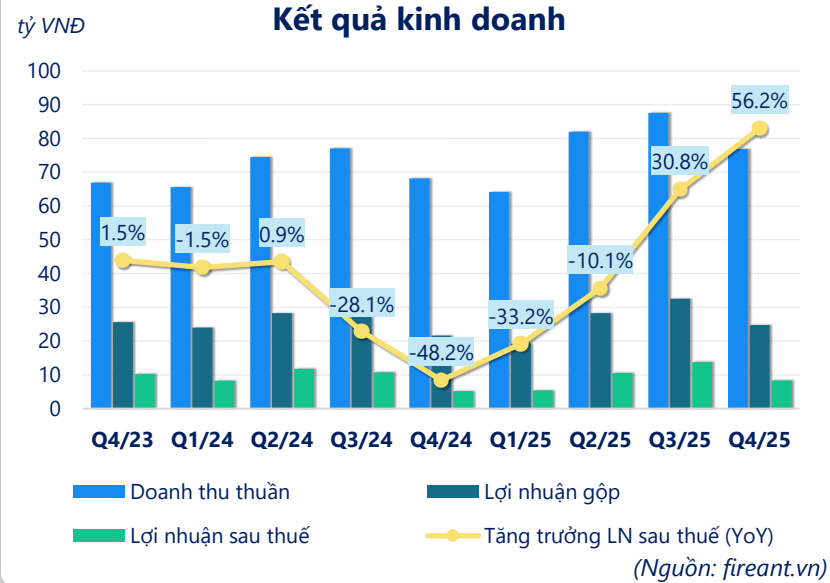


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,781
SL cổ phiếu LH		12,410,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		180
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		346
P/E		9.1
EPS		3,064

	YTD	1T	3T	6T
BDW	17.9%	-8.2%	9.4%	0.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	458	459	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	84.6	67.8	24.8%
Tiền và tương đương tiền	52.6	35.8	46.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	0	
Phải thu ngắn hạn	15.6	14.8	5.7%
Hàng tồn kho	13.1	14.9	-12.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.34	2.33	-42.6%
Tài sản dài hạn	374	391	-4.4%
Phải thu dài hạn	0.42	0.42	0.0%
Tài sản cố định	345	363	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.02	0.97	418%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	22.9	26.0	-12.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	168	201	-16.4%
Nợ ngắn hạn	80.4	104	-22.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.54	18.4	-59.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	32.7	-66.1%
Nợ dài hạn	87.5	96.6	-9.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.9	28.4	-26.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	290	258	12.7%
Vốn chủ sở hữu	219	206	6.3%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	71.4	51.7	38.2%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	68.1	64.1	82.0	87.6	76.9
Giá vốn hàng bán	46.5	44.9	53.7	55.1	52.1
Lợi nhuận gộp	21.6	19.3	28.3	32.5	24.8
Doanh thu HĐTC	0.18	0.05	0.08	0.26	0.31
Chi phí TC	0.52	0.41	0.43	0.35	0.80
Chi phí lãi vay	0.52	0.41	0.43	0.35	0.80
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.42	8.16	9.59	9.59	9.75
Chi phí QLDN	5.83	5.35	5.93	5.93	5.03
LN thuần từ HĐKD	6.02	5.41	12.4	16.9	9.49
Lợi nhuận khác	0.58	1.40	0.72	0.44	0.94
LN trước thuế	6.60	6.81	13.1	17.3	10.4
Lợi nhuận sau thuế	5.26	5.42	10.5	13.8	8.33
LNST của CĐ cty mẹ	5.26	5.42	10.5	13.8	8.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.11	7.23	24.9	27.6	25.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.7	-14.2	-4.18	-8.72	-8.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.0	-4.81	-4.10	-18.5	-4.71
Tiền đầu kỳ	62.4	35.8	24.0	40.7	41.0
Lưu chuyển tiền thuần	-26.6	-11.8	16.6	0.38	11.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.8	24.0	40.7	41.0	52.6

(Nguồn: fireant.vn)